

Bản án: 10/2018/HNGĐ-ST

Ngày 5 - 7 - 2018

V/v ly hôn giữa chị C (tức N) và anh
T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG - TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Biên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chu Thị Hảo.
2. Ông Ngọc Đức Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 5 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2018 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2018/QĐXX-ST ngày 24 tháng 5 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2018/QDST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Hoàng Thị C (tên gọi khác Hoàng Thị N), sinh năm 1983, có mặt.

- Địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

*** Bị đơn:** Anh Tô Văn T, sinh năm 1965, vắng mặt.

- Địa chỉ: Thôn N, thị trấn T, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn và các lời khai tiếp theo tại Tòa án chị Hoàng Thị C (tức N) trình bày: Chị kết hôn với anh Tô Văn T ngày 20/3/2004, trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu và tự nguyện thỏa thuận đi đến cuộc sống chung, vợ chồng cưới hỏi theo phong tục địa phương và

đăng ký kết hôn tại UBND xã T (nay là thị trấn T), huyện S, tỉnh Bắc Giang. Sau ngày vợ chồng về chung sống cùng nhau ngay tại gia đình anh T, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc.

Mâu thuẫn vợ chồng: Theo chị mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ tháng tháng 6/2010, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm, lối sống, không thống nhất được với nhau trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Năm 2011 chị đi xuất khẩu lao động tại Malaixia đến năm 2016 về nước nhưng chị không về chung sống cùng anh T mà về bên ngoại sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ năm 2011 đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, vợ chồng sống ly thân một thời gian dài mà không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên chị giữ nguyên yêu cầu, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh T được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Tô Thành Đ, sinh ngày 19/11/2004, hiện nay cháu Đ đang ở cùng anh T. Vợ chồng ly hôn anh T có nguyện vọng nuôi con chung, cháu Đ có nguyện vọng được giao cho anh T nuôi dưỡng, anh T không yêu cầu chị đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung, chị nhất trí, chị sẽ có trách nhiệm với con theo khả năng của mình.

Về tài sản, công nợ chung: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, không liên quan vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và công nợ.

Bị đơn anh Tô Văn T tại bản tự khai ngày 8/5/2018 và những lời khai tiếp theo trình bày: Anh xác nhận về thời gian và điều kiện kết hôn với chị Hoàng Thị C (tức Hoàng Thị N) như chị C trình bày là đúng, vợ chồng cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND xã T (nay là thị trấn T), huyện S, tỉnh Bắc Giang. Sau ngày vợ chồng về chung sống với nhau ngay tại gia đình anh, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc.

Mâu thuẫn vợ chồng: Theo anh mâu thuẫn phát sinh từ tháng 6/2010 nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm, lối sống, không thống nhất được với nhau trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Năm 2011 chị C đi xuất khẩu lao động tại Malaixia đến năm 2016 về nước nhưng không về chung sống cùng anh mà lại về bên ngoại sống từ đó đến nay. Anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, mong muốn vợ chồng về đoàn tụ, chị C xin ly hôn, anh không nhất trí, đề nghị chị C suy nghĩ lại, trong trường hợp chị C cương quyết

xin ly hôn, anh không đồng ý ly hôn. Anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Tô Thành Đ, sinh ngày 19/11/2004, hiện cháu Đ đang ở cùng anh. Anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị C đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ chung: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung, không liên quan vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và công nợ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/5/2018 cháu Tô Thành Đ trình bày: Cháu là con của mẹ Hoàng Thị C và bố Tô Văn T, hiện tại cháu đang học lớp 8A trường THCS thị trấn Thanh Sơn, huyện Sơn Động, cháu mong muốn bố mẹ về chung sống cùng nhau. Trong trường hợp bố mẹ không về chung sống cùng nhau, cháu có nguyện vọng được ở cùng bố, cháu không ở với mẹ.

Tại phiên tòa chị Hoàng Thị C vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh Tô Văn T được ly hôn, chị đề nghị giao con chung cho anh T nuôi dưỡng, anh T không yêu cầu chị đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con, chị nhất trí. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và công nợ. Anh Tô Văn T vắng mặt tại phiên tòa, quá trình giải quyết vụ án, anh T đề nghị đoàn tụ vợ chồng, nếu chị C cương quyết ly hôn, anh đề nghị giải quyết theo pháp luật, anh nhận nuôi con chung, không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con, không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản và công nợ

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng thủ tục tố tụng; tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành đúng trình tự, thủ tục của phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn chị Hoàng Thị C thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo pháp luật quy định; bị đơn anh Tô Văn T đã không chấp hành các giấy triệu tập của Tòa án là vi phạm khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Tòa án đã giao giấy triệu tập phiên tòa và tổng đạt quyết định xét xử hợp lệ, anh T vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do vậy Tòa án xét xử vắng mặt anh T là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83 - Luật Hôn

nhân và gia đình năm 2014. Điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Hoàng Thị C (tức Hoàng Thị N) và anh Tô Văn T được ly hôn.

Về con chung: Giao anh Tô Văn T nuôi dưỡng cháu Tô Thành Đ, sinh ngày 19/11/2004, về cấp nuôi con chung không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Hoàng Thị C là hộ nghèo của địa phương nên không phải chịu tiền án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành giao triệu tập phiên tòa và quyết định xét xử; giao quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho bị đơn anh Tô Văn T nhưng anh T vẫn vắng mặt tại phiên tòa, vì vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn chị Hoàng Thị C (tức Hoàng Thị N), bị đơn anh Tô Văn T và những tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa thì có cơ sở xác định như sau:

Chị Hoàng Thị C và anh Tô Văn T kết hôn ngày 20/3/2004, trước ngày cưới hai bên được tự do tìm hiểu, tự nguyện thỏa thuận đi đến cuộc sống chung, vợ chồng tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND xã T (nay là thị trấn T), huyện S, tỉnh Bắc Giang. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống cùng nhau ngay, tình cảm ban đầu hòa thuận, hạnh phúc, hiện vợ chồng đã có một con chung với nhau, do vậy cần xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Mâu thuẫn vợ chồng: Chị C và anh T đều xác định vợ chồng bất đồng về quan điểm, lối sống không thống nhất được với nhau trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình dẫn đến vợ chồng đối xử lạnh nhạt và sống ly thân từ năm

2011 đến nay và không còn quan hệ tình cảm. Chị C xác định tình cảm vợ chồng đã hết, cuộc sống chung không thể hàn gắn được, không còn khả năng đoàn tụ, do vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh T được ly hôn. Anh T xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh đề nghị chị C suy nghĩ lại để đoàn tụ vợ chồng, nếu chị C cương quyết xin ly hôn, anh không đồng ý, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Nhận thấy tình trạng hôn nhân của chị C và anh T đã xảy ra căng thẳng, trầm trọng, vợ chồng sống ly thân, không chung sống cùng một mái nhà từ năm 2011 đến nay đã 07 năm, không còn quan tâm đến nhau, không có quan hệ tình cảm và không còn khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh T vẫn mong muốn đoàn tụ vợ chồng, chị C cương quyết xin ly hôn. Xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị C, xử cho chị Hoàng Thị C và anh Tô Văn T được ly hôn là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Chị C và anh T có một con chung là cháu Tô Thành Đ, sinh ngày 19/11/2004, anh T có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị C đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con, mặt khác cháu Đ có nguyện vọng được ở cùng anh T. Xét thấy anh T nuôi dưỡng cháu Đ kể từ khi vợ chồng sống ly thân năm 2011 đến nay vẫn ổn định, do vậy cần tiếp giao cho anh T nuôi dưỡng con chung là phù hợp với khoản 2 điều 81 luật hôn nhân gia đình. Anh T không yêu cầu chị C đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung, nên không đặt ra xem xét giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị C.

[3] Về tài sản, công nợ chung: Chị C và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và công nợ; do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Hoàng Thị C là hộ nghèo của địa phương năm 2018 nên chị C không phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 19; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điểm b khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Hoàng Thị C (tức Hoàng Thị N) và anh Tô Văn T được ly hôn.

[2] Về con chung: Giao cho anh Tô Văn T nuôi dưỡng con chung là cháu Tô Thành Đ, sinh ngày 19/11/2004. Anh T không yêu cầu chị C đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản; công nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Hoàng Thị C.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- THADS huyện;
- UBND thị trấn T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Huy Biên

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Chu Thị Hảo

Ngọc Đức Minh

Nguyễn Huy Biên

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Chu Thị Hảo

Ngọc Đức Minh

Nguyễn Huy Biên

